

Bản án số: 34/2026/HS-ST
Ngày: 15/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Phong, ông Đặng Văn Phú và ông Ngô Thanh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hùng - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 163/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **90/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2026** đối với :

- Bị cáo: Huỳnh Du, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1989 tại tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai). Nơi cư trú: **Thôn S, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai (Nay là xã C, tỉnh Gia Lai)**; căn cước công dân: 052089000397 do **Cục C1** về TTXH cấp ngày 25/3/2021; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Huỳnh Văn K** và bà **Nguyễn Thị Lệ T**; có vợ là **Trần Thị T1** (đã lý hôn) và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 09/12/2024 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam **công an tỉnh G**. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Đặng Ngọc B** – Luật sư của **Văn phòng L** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh G**. Địa chỉ: **A Q, phường D, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

- Bị hại: Chị **Đặng Thị T2**, sinh năm 1987 (đã chết);

* Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà **Hoàng Thị S**, sinh năm: 1940; địa chỉ: **Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

2. Cháu **Nguyễn Anh K1**, sinh năm 2009 và cháu **Nguyễn Việt A**, sinh năm 2017. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của 02 cháu **A** và cháu **K1**: Anh **Nguyễn Lê Đ**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S và cháu Nguyễn Anh K1: Chị Mai Thị Mỹ H, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn S, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Huỳnh Trung H1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn S, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Đặng Thị Kim A, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Huỳnh Đức T3, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn S, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 06/2024, Huỳnh D (sinh năm 1989; trú tại thôn S, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai - nay là thôn B, xã C, tỉnh Gia Lai) có quan hệ yêu đương và tổ chức đám cưới (nhưng không đăng ký kết hôn) với chị Đặng Thị T2 (sinh năm 1987; trú tại thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai - nay là thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai).

Đến ngày 13/11/2024, trong lúc Huỳnh D kiểm tra điện thoại của chị T2 thì phát hiện trong ứng dụng Z, tên tài khoản của T2 có nhắn tin, gọi điện liên lạc với một tài khoản Zalo tên “Thanh Bình” với nội dung làm quen, hẹn đi chơi nên D đã sử dụng điện thoại di động của mình chụp lại nội dung tin nhắn giữa chị T2 và người có tài khoản Zalo “T”. Do nghi ngờ chị T2 có tình cảm với người này, nên D đưa các tin nhắn giữa chị T2 và người có tài khoản Zalo “Thanh Bình” cho chị T2 xem, đồng thời yêu cầu T2 giải thích có quan hệ như thế nào với người này, nhưng T2 nói chỉ là mối quan hệ bạn bè bình thường; do vậy, D nghi ngờ, ghen tuông với chị T2. Đồng thời sau đó, chị T2 cũng thay đổi mật khẩu điện thoại, nên D không vào xem nội dung trong điện thoại của chị T2.

Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 08/12/2024, khi D đang ở tại thôn S, xã C, tỉnh Gia Lai thì chị T2 nhắn tin vào ứng dụng Messenger của D với nội dung: “Mình nên dừng lại”; D nhận thấy chị T2 sẽ kết thúc chuyện tình cảm với D, nên khoảng 13 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 81D1-169.45 đi từ nhà mình tại thôn S, xã C, tỉnh Gia Lai đi đến nhà chị Đặng Thị T2 tại thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai gặp chị T2 để nói chuyện, hàn gắn tình cảm nhưng chị T2 không đồng ý. Trong lúc nói chuyện, chị T2 đã bỏ đồ đạc của D vào bì ni lông mang ra để trên xe mô tô của D và yêu cầu D rời khỏi nhà chị T2. Du biết không thể nói chuyện được với chị T2 nữa, nên D cầm đồ đạc và điều khiển xe mô tô về nhà tại thôn S, xã C, tỉnh Gia Lai.

Đến khoảng 17 giờ ngày 08/12/2024, D tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81D1-169.45 chở anh trai chị T2 là anh Đặng Văn C (sinh năm 1977; trú tại xã I, tỉnh Gia Lai - là người cùng làm công trình xây dựng với D) từ thôn S, xã C, tỉnh Gia Lai về nhà anh C rồi đến nhà chị Đặng Thị T2 để tiếp tục nói chuyện với chị T2. Khi đến nơi, D thấy T2 đang làm tóc cho một người phụ nữ, D đến nói chuyện nhưng chị T2 không trả lời. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô đi ra xã C, tỉnh Gia Lai mua đồ ăn cho chị T2 và giải quyết công việc. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, D mang đồ ăn về nhà cho chị T2 và tiếp tục nói chuyện về việc chia tay thì chị T2 nói với D: “Tôi nay đừng về nhà đây, muốn đi đâu thì đi”. Khi không nói chuyện được với chị T2 nữa, nên D điều khiển xe mô tô ra xã C uống rượu cùng với hai người bạn tên là Nguyễn Minh Q (sinh năm 1991; trú tại xã C, tỉnh Gia Lai - là thợ làm thạch cao) và Nguyễn Văn S1 (sinh năm 1979; trú tại xã C, tỉnh Gia Lai - là thợ làm cửa sắt) ở quán nhậu “Dê Huy” tại xã C, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong, D điều khiển xe mô tô một mình về nhà của chị T2 để kiểm tra chị T2 có nói chuyện hay gặp gỡ người khác không. Khi đến nhà chị T2, D tắt máy xe và điều khiển xe mô tô xỏ dõc đi xuống phía sau nhà, dừng xe và đi đến tường nhà của chị T2, ghé tai vào tường để nghe ngóng, thì nghe thấy tiếng chị T2 đang nói chuyện điện thoại với người nào đó. Do nghi ngờ, ghen tuông nên D mở cửa kéo ra đi vào phòng ngủ của chị T2, thấy chị T2 đang nằm trên giường quay lưng vào bên trong, tay phải đang cầm điện thoại, D tiến tới dùng tay trái giật lấy điện thoại trên tay T2, rồi đi ra ngồi ở bàn tại khu vực tiếp giáp giữa tiệm làm tóc với phòng bếp để kiểm tra điện thoại của chị T2, nhưng không có mặt khóa nên không mở được điện thoại. Lúc này, do bị D lấy điện thoại nên chị T2 đi theo ra, giăng lại điện thoại nhưng không được, nên đã có lời nói chửi bới, xúc phạm D; lúc này, D yêu cầu chị T2 mở điện thoại để kiểm tra nhưng chị T2 không đồng ý, mà chị T2 đi vào nhà vệ sinh đối diện với khu vực kệ bếp dùng để nấu ăn của gia đình. Một lúc sau, chị T2 đi từ phòng vệ sinh ra và tiếp tục có lời nói chửi bới, xúc phạm D, D yêu cầu T2 im lặng và đe dọa sẽ đánh chị T2; liền lúc này, Chị T2 tay trái lấy 01 (một) con dao, bằng kim loại, màu sáng, dài 28cm (loại dao thường dùng để chặt xương) chỉ hướng về phía D đe dọa và tiếp tục có lời nói xúc phạm D, nên D để điện thoại xuống bàn, đứng dậy đi đến trước mặt chị T2, khi cách chị T2 khoảng 60cm, D dùng tay phải giữ tay trái đang cầm dao của chị T2, tay trái giơ lên tát vào phần má bên phải của chị T2 và giật con dao từ tay chị T2, cầm dao bằng tay phải, cách chị T2 khoảng 30cm, giơ dao lên chém 01 (một) nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng trán bên phải của chị T2, làm chị T2 ngã về phía sau và nằm ngửa dưới nền nhà. D thấy máu từ đầu chị T2 chảy ra nên nhà và chị T2 tiếp tục có lời nói xúc phạm D, nên D ném con dao vào nền nhà khu vực dưới kệ bếp rồi ngồi lên người T2, hai đầu gối chạm đất, dùng 02 tay bóp cổ chị T2 cho đến khi chị T2 nằm im thì D mới buông tay ra. Sau đó, D quay lại bàn lấy chiếc điện thoại của chị T2 tiếp tục mở điện thoại nhưng không mở được, D thấy trên tay có dính máu và nhìn thấy chị T2 nằm im, bất động, rồi D ngồi xuống, dùng tay phải nhấc tay trái của chị T2 lên kiểm tra thấy chị T2 không có phản ứng gì. D quay lại bàn lấy điện thoại của chị T2 rồi đóng cửa ra vào và điều khiển xe mô tô đi về xã C, tỉnh Gia Lai theo

đường Q, hướng từ huyện C, tỉnh Gia Lai (cũ) đi tỉnh Đắk Lắk, khi đi được khoảng 1,3km thuộc địa phận xã I, tỉnh Gia Lai, D dừng xe lại và tiếp tục mở điện thoại nhưng không mở được, nên Du ném ở lề đường phía bên phải hướng đi từ huyện C, tỉnh Gia Lai (cũ) đi tỉnh Đắk Lắk, sau đó đi về nhà ở xã C, tỉnh Gia Lai ngủ. Đến khoảng 15 giờ ngày 09/12/2024, D nghe tin T2 chết, nên đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Tại Kết luận Giám định tử thi số 1096/KLGĐTT-KTHS ngày 25/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh G kết luận nguyên nhân chết của Đặng Thị T2 là do: “Ngạt do chẹn cổ và mất máu cấp”.

- Tại Kết luận giám định số: 53/KL-KTHS, ngày 10/01/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh G kết luận:

+ Vị trí số 01: Dưới đầu tử thi có đám chất màu nâu nghi máu dạng loang và nhỏ giọt trong diện (01 x 0,6)cm, có dấu vết in vân giày dép diện (24 x 10)cm: là máu người, nhóm máu B.

+ Vị trí số 04: vết chất màu nâu nghi máu dạng loang và nhỏ giọt đã khô trong diện (22 x 14)cm trên mặt bàn ăn: không phải là máu.

+ Chất màu nâu nghi máu dính trên con dao bằng kim loại, màu sáng, dài 28cm, lưỡi dài 17cm, chỗ rộng nhất 7,7cm, mũi bằng, cán dao dài 11cm, rộng 3,5cm: là máu người, nhóm máu B.

+ Chất màu nâu nghi máu dính cây mài dao bằng kim loại dài 27cm, phần trụ mài dài 16cm, đường kính 0,8cm, có dính chất màu nâu nghi máu, phần tay cầm dài 9,5cm, đường kính 1,8cm, phía sau có quai treo dài 1,5cm: là máu người, nhóm máu B.

+ Chất màu nâu nghi máu thấm tại cục bông ghi thu máu Đặng Thị T2: nhóm máu B.

+ Áo khoác màu xanh đen, quần Jean màu đen, áo thun ngắn tay màu đen và đôi giày bằng da, màu đen thu giữ của Huỳnh D: không phát hiện có máu.

+ Mẫu máu trong ống nghiệm bằng nhựa ghi thu máu Huỳnh D: nhóm máu A”

- Tại Kết luận giám định số: 48/KL-KTHS, ngày 26/12/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh G kết luận:

+ Trên 01 con dao gửi giám định: “Khai thác được một số dấu vết đường vân; dấu vết đường vân khai thác được trên mẫu cần giám định ít đặc điểm, đường vân ngắt quãng, không đủ yếu tố giám định truy nguyên.

+ Trên 01 cây mài dao: không phát hiện dấu vết đường vân”.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS, ngày 03/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện C, tỉnh Gia Lai (cũ) kết luận: “Chiếc điện thoại Iphone, dung lượng 64GB, màu tím, đã qua sử dụng, được mua lại ngày 10/10/2024 với giá 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng), tại thời điểm ngày 08/12/2024 giá trị thực tế của chiếc điện thoại là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm ngàn đồng)”.

* Vật chứng của vụ án:

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

01 (một) con dao bằng kim loại, màu sáng, dài 28cm, lưỡi dài 17cm, chỗ rộng nhất 7,7cm, mũi bằng, cán dao dài 11cm, rộng 3,5cm, trên dao có dính chất màu nâu nghi máu; 01 (một) cây mài dao bằng kim loại dài 27cm, phần trụ mài dài 16cm, đường kính 0,8cm, có dính chất màu nâu nghi máu, phần tay cầm dài 9,5cm, đường kính 1,8cm, phía sau có quai treo dài 1,5cm; 03 (ba) cục bông thấm chất màu nâu nghi máu thu tại hiện trường (đã sử dụng một phần để trưng cầu giám định); 01 (một) áo khoác màu xanh đen, nhãn hiệu “Tien Dung”, viền cổ áo, hai ống tay áo và tà áo có màu nâu, trước ngực trái áo có logo tròn có 03 ngôi sao và số 73; 01 (một) quần Jean màu đen nhãn hiệu “Lacoste”, ở túi trước bên phải và túi sau bên phải có in hình con cá sấu màu xanh lá cây; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu đen, trên ngực áo có dòng chữ “BALENCIAGA”; 01 (một) đôi giày bằng da, màu đen, đã cũ, chiều dài đế giày từ mũi giày đến gót giày là 27cm, phần đế giày rộng nhất là 10cm; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 (2018), số IMEI 1:8677760032200256, số IMEI 2: 8677760032200249, ốp lưng màu hồng, điện thoại đã qua sử dụng, mặt kính điện thoại đã bị vỡ. Đây là vật chứng của vụ án, hiện các vật chứng này đã được chuyển đến kho vật chứng Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (theo biên bản bàn giao vật chứng số 59/2025 ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Gia Lai và Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai) để bảo quản, chờ xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 81D1-169.45: Quá trình điều tra, xác định đây là tài sản hợp pháp của Huỳnh Du M từ tháng 03/2021 để làm phương tiện đi lại. Vào ngày 08/12/2024, D điều khiển xe mô tô nói trên đến nhà chị T2 với mục đích tìm gặp chị T2 để nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn. Do mâu thuẫn bộc phát D đã giết chết chị T2, sau đó D điều khiển xe mô tô này đề rời khỏi hiện trường về nhà tại huyện P, tỉnh Gia Lai (cũ) và ra đầu thú. Xét thấy xe mô tô nói trên, không phải là vật chứng mà chỉ là đồ vật, tài sản có liên quan. Cơ quan điều tra (PC02) - Công an tỉnh G đã ra Quyết định xử lý đối với tài sản số 380 ngày 23 tháng 01 năm 2025 trả lại tài sản cho Huỳnh D

- Đối với chiếc điện thoại Iphone 11 màu tím của chị Đặng Thị T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) - Công an tỉnh G đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

* Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 15/01/2025 chị Mai Thị Mỹ H - là người đại diện theo uỷ quyền của đại diện hợp pháp của chị Đặng Thị T2 yêu cầu bồi thường về dân sự với tổng số tiền là 348.000.000 đồng, gồm các khoản: Chi phí mai táng, xây mộ là 100.000.000 đồng; Tồn thất tinh thần là 200.000.000 đồng; Cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Anh K1 (sinh ngày 01/01/2009, là con của chị T2) tới đủ 18 tuổi là 2.000.000 đồng/01 tháng x 24 tháng = 48.000.000 đồng. Hiện bà Nguyễn Thị Lệ T (là mẹ ruột của bị can Huỳnh D) đã thay mặt bị can D bồi thường cho gia đình chị T2 số tiền là 55.200.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 94/CT-VKSGL-P2 ngày 09/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Huỳnh D về tội “Giết người” theo điểm n, e khoản

1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện hợp pháp người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày phù hợp với nội dung có liên quan đến vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh D** phạm tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản”.

+ Áp dụng điểm n, e khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Du M1** án từ 19 năm đến 20 năm tù về tội “Giết người”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh D** từ 03 năm đến 04 tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Huỳnh Du chấp H2** hình phạt chung từ 22 năm đến 23 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2024.

Vật chứng vụ án: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận thỏa thuận giữa bị cáo và phía bị hại về việc bị cáo bồi thường tổng số tiền 348.000.000đ, đã bồi thường 50.000.000đ còn phải bồi thường 298.000.000đ.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Sau phạm tội bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tác động gia đình bồi thường cho bị hại; có cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội để hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự, nên hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Giữa bị cáo **Huỳnh D** và người bị hại chị **Đặng Thị T2** có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn). Xuất phát từ việc **D** ghen tuông vì nghi ngờ **T2** có quan hệ tình cảm với người khác, nên vào khoảng 22 giờ ngày 08/12/2024, tại nhà chị **Đặng Thị T2** thuộc **thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai**, nên giữa **D** và chị **T2** xảy ra mâu thuẫn; **Huỳnh D** đã dùng dao 01 (một) con dao, bằng kim loại, màu sáng, dài 28cm chém 01 nhát vào đầu của chị **T2** làm chị **T2** ngã xuống, rồi **D** đã dùng hai tay bóp cổ chị **T2**, hậu quả làm chị **T2** chết do “Ngạt do chẹn cổ và mất máu cấp”. Sau đó, **D** lấy điện thoại của chị **T2** mang đi cách nhà chị **T2** khoảng 1,3km rồi ném tại khu vực thuộc **xã I, tỉnh Gia Lai**.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Có cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Giết người” theo điểm n, e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố.

[3] Xét tính chất tội phạm:

Bị cáo phạm tội “Giết người” thuộc tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng và phạm tội “Cướp tài sản” thuộc tội phạm có tính chất rất nghiêm trọng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng;

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau phạm tội bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tác động gia đình bồi thường cho bị hại; cha bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự, vật chứng vụ án: Đã được xử lý xong theo Quyết định của Bản án số 31/2025/HS-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Du P** các tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm n, e khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh D** 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Giết người”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Du O (B)** năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Huỳnh Du chấp H2** hình phạt chung là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/12/2024.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Huỳnh Du P1** chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Nếu người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện PT - Viện VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- Tòa PT - TANDTC tại Đà Nẵng;
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tam giam số 2;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Sinh